Nội dung bài viết

1. Soạn Progress review 3 trang 78, 79 lớp 7 Friends plus

Soạn Progress review 3 trang 78, 79 lớp 7 Friends plus

1 (trang 78 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete the dialogues with the words in the box (Hoàn thành các đoạn hội thoại với các từ trong hộp)

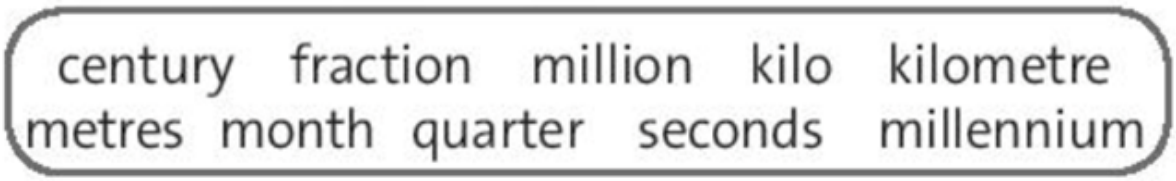

1. "What is the population of Viet Nam?" - "I guess it's more than 98 … people."

2. "What's the hottest … in your country?" – "I know that one. It's July, or perhaps August."

3. "What is 25% as a …?" – "We think it's a …"

4. "How far is the station from here?" – "It isn't very far. I'd say it's only about a …"

5. "Why was the year 2000 important?" – "It was the start of the new …"

6. "What do we need to make this big cake?" – "I reckon we need about a … of sugar"

7. "How fast can you run 100 …?" – "I can usually run it in 17 …"

8. "When was the artist Vincent Van Gogh born?" – "Maybe it was in the 19 … but I'm not sure."

Đáp án:

1. million	2. month	3. fraction – quarter	4. kilometre
5. millennium	6. kilo	7. metres – seconds	8. century

Hướng dẫn dịch:

1. "Dân số Việt Nam là bao nhiêu?" - "Tôi đoán là hơn 98 triệu người."

2. "Tháng nóng nhất ở quốc gia của bạn là gì?" - "Tôi biết điều đó. Đó là tháng Bảy, hoặc có lẽ là tháng Tám. ”

3. "25% là một phân số là gì?" - "Chúng tôi nghĩ đó là một phần tư."

4. "Nhà ga từ đây bao xa?" - “Nó không xa lắm. Tôi sẽ nói rằng nó chỉ khoảng một km. "

5. "Tại sao năm 2000 lại quan trọng?" - "Đó là sự khởi đầu của thiên niên kỷ mới."

6. "Chúng ta cần những gì để làm ra chiếc bánh lớn này?" - "Tôi nghĩ chúng ta cần khoảng một kg đường"

7. "Bạn có thể chạy 100 mét nhanh đến mức nào?" - "Tôi thường có thể chạy nó trong 17 giây."

8. "Nghệ sĩ Vincent Van Gogh sinh năm nào?" - "Có thể là vào thế kỷ 19 nhưng tôi không chắc."

2 (trang 78 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete the words (Hoàn thành các từ)

1 Bo__ bu_____ should have a good diet.
2 E___ should be in a body builder's breakfast and snacks.
3 Many ca_____ should be in a basketballer's meals.
4 They often eat bananas be cause of their good nu_____.
5 Bananas have potassium and it re_____ a sudden pain in muscles.

Đáp án:

1. Bodybuilders	2. Eggs	3. calories	4. nutrition	5. reduces

Hướng dẫn dịch:

1. Người tập thể hình nên có một chế độ ăn uống tốt.

2. Trứng nên có trong bữa sáng và bữa ăn nhẹ của người xây dựng cơ thể.

3. Nên có nhiều calo trong bữa ăn của vận động viên bóng rổ.

4. Họ thường ăn chuối là vì họ có dinh dưỡng tốt.

5. Chuối có kali và nó làm giảm cơn đau đột ngột ở các cơ.

3 (trang 78 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete the sentences by making comparisons. (Hoàn thành các câu bằng cách so sánh.)

1. This book about football stars is similar … the book I bought last week.

2. That volleyball player was amazing. He was … (fast) as a tiger.

3. The seats in this stadium are great. They are … (comfortable) than our chairs.

4. Robbie gets up late and he never does any sport. He's … (lazy) person I know.

5. The new swimming pool is very large. It's different … the old pool.

6. This race is very difficult. It's not … (easy) as the long race last year.

7. That match is bad! It doesn't attract … (many) viewers as the one I saw.

Đáp án:

1. to	2. as fast	3. more comfortable	4. the laziest
5. from	6. as easy	7. as many	

Hướng dẫn dịch:

1. Cuốn sách về các ngôi sao bóng đá này tương tự như cuốn sách tôi đã mua tuần trước.

2. Cầu thủ bóng chuyền đó thật tuyệt vời. Anh ta nhanh như hổ.

3. Chỗ ngồi trong sân vận động này thật tuyệt. Chúng thoải mái hơn ghế của chúng tôi.

4. Robbie dậy muộn và anh ấy không bao giờ chơi bất kỳ môn thể thao nào. Anh ấy là người lười nhất mà tôi biết.

5. Hồ bơi mới rất rộng. Nó khác với hồ bơi cũ.

6. Cuộc đua này rất khó khăn. Nó không dễ dàng như cuộc đua dài năm ngoái.

7. Trận đấu đó thật tệ! Nó không thu hút nhiều người xem như cái mà tôi đã xem.

4 (trang 78 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Listen to the radio programme. Then tick (V) the boxes (Nghe chương trình radio. Sau đó đánh dấu (V) vào các ô)

What was Jacques Cousteau?

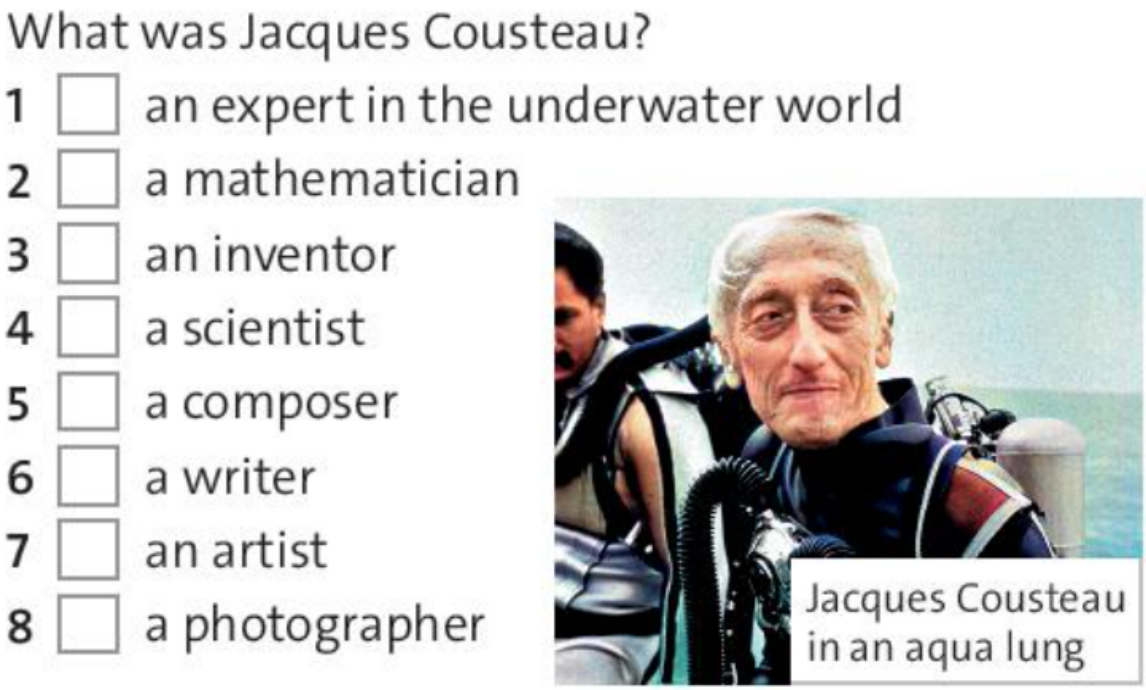

Đáp án: 1, 3, 4, 6, 8

Nội dung bài nghe:

This week in Great Lives, we're looking at the life of one of the most famous French men of the 20th century – Jacques Cousteau. As many people know, Cousteau was an expert in the underwater world, but he did many other things in his life, too. He was born in 1910, and he learned to swim when he was four. As a child, he could swim

very well, and he always loved the sea. When he was a teenager, he went to a special school to learn about boats and sailing, and he later travelled a lot by sea. He was a very creative person, and in 1943 he became an inventor. He invented the aqua lung with a friend. This is a special thing to help people swim under the water for a long time. In 1950, he bought a boat called the Calypso, and he began to work as a scientist studying the life of underwater animals and plants. And in 1953, he wrote his first book called "The silent world." Cousteau was not only the writer of this book, but he took many of the photographs for it too. He was an excellent underwater photographer, and he took many wonderful pictures over the years. Between 1966 and 1976, people in different countries could watch his famous TV series "The underwater world of Jack Cousteau", and he became one of the most famous TV personalities in the world. After a long and interesting life, he died in Paris in 1997.

Hướng dẫn dịch:

Tuần này trong Great Lives, chúng ta sẽ tìm hiểu về cuộc đời của một trong những người đàn ông Pháp nổi tiếng nhất thế kỷ 20 - Jacques Cousteau. Như nhiều người đã biết, Cousteau là một chuyên gia về thế giới dưới nước, nhưng ông ấy cũng đã làm nhiều thứ khác trong cuộc đời mình. Ông sinh năm 1910 và học bơi khi mới 4 tuổi. Khi còn nhỏ, ông ấy có thể bơi rất giỏi, và ông ấy luôn yêu thích biển. Khi còn là một thiếu niên, ông đã đến một trường học đặc biệt để học về thuyền và chèo thuyền, và sau đó ông đã đi rất nhiều nơi bằng đường biển. Ông là một người rất sáng tạo, và vào năm 1943, ông đã trở thành một nhà phát minh. Ông ấy đã cùng một người bạn phát minh ra phổi thủy sinh. Đây là một điều đặc biệt giúp con người có thể bơi dưới nước rất lâu. Năm 1950, ông mua một chiếc thuyền có tên là Calypso và bắt đầu làm nhà khoa học nghiên cứu đời sống của các loài động vật và thực vật dưới nước. Và vào năm 1953, ông viết cuốn sách đầu tiên của mình mang tên "Thế giới im lặng". Cousteau không chỉ là người viết cuốn sách này mà còn chụp rất nhiều bức ảnh cho cuốn sách này. Ông ấy là một nhiếp ảnh gia dưới nước xuất sắc, và ông ấy đã chụp được nhiều bức ảnh tuyệt vời trong nhiều năm. Từ năm 1966 đến năm 1976, người dân ở các quốc gia khác nhau có thể xem bộ phim truyền hình nổi tiếng của ông "Thế giới dưới nước của Jack Cousteau" và ông đã trở thành một trong những nhân vật truyền hình nổi tiếng nhất thế giới. Sau một cuộc sống dài và thú vị, ông qua đời tại Paris vào năm 1997.

5 (trang 79 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete the sentences using "can, can't, could" or "couldn't" (Hoàn thành các câu sử dụng "can, can't, could" và "couldn't")

1. … that child prodigy play the piano when she was two?

2. The boy on TV now … remember 1,000 different numbers - he's amazing!

3. My little sister … write any words at the moment, but she can read easy sentences.

4. We ... play tennis when we were ten, but we're good at it now.

5. That famous artist … paint well at an early age.

6. How many languages … your cousin speak now?

Đáp án:

1. Could	2. can	3. can't	4. couldn't	5. could	6. can

Hướng dẫn dịch:

1. Liệu thần đồng nhí đó có thể chơi piano khi cô ấy hai tuổi không?

2. Cậu bé trên TV giờ có thể nhớ 1.000 con số khác nhau - cậu ấy thật tuyệt vời!

3. Em gái của tôi hiện không thể viết bất kỳ từ nào, nhưng cô ấy có thể đọc những câu dễ.

4. Chúng tôi không thể chơi quần vợt khi chúng tôi lên mười, nhưng chúng tôi đã chơi tốt môn này.

5. Nghệ sĩ nổi tiếng đó có thể vẽ tốt khi còn nhỏ.

6. Bây giờ anh họ của bạn có thể nói được bao nhiêu ngôn ngữ?

6 (trang 79 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete the questions with "How" and the words in the box. (Hoàn thành các câu hỏi với "How" và các từ trong khung)

1. "… books do you read every year?" – "Over forty. I'm a child prodigy!"

2. ".... can you run in an hour?" – "About six kilometres."

3. "… are you now?" – "I'm one metre seventy."

4. "… homework do you do? – "Quite a lot!"

5. “… is Adam?” – “He's fourteen.”

6. “… is that young film star?” – “I don't know, but he's got more money than me!”

Đáp án:

1. How many	2. How far	3. How tall
4. How much	5. How old	6. How rich

Hướng dẫn dịch:

1. "Bạn đọc bao nhiêu cuốn sách mỗi năm?" - "Hơn 40. Tôi là một thần đồng!"

2. "Bạn có thể chạy bao xa trong một giờ?" - "Khoảng sáu km."

3. "Bây giờ bạn cao bao nhiêu?" - "Tôi cao một mét bảy mươi."

4. “Bạn làm bao nhiêu bài tập về nhà? - "Khá nhiều!"

5. "Adam bao nhiêu tuổi?" - "Cậu ấy mười bốn tuổi."

6. "Ngôi sao điện ảnh trẻ đó giàu cỡ nào?" - "Tôi không biết, nhưng anh ấy có nhiều tiền hơn tôi!"

7 (trang 79 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete the dialogue and practice with your partner. (Hoàn thành cuộc đối thoại và thực hành với bạn của bạn.)

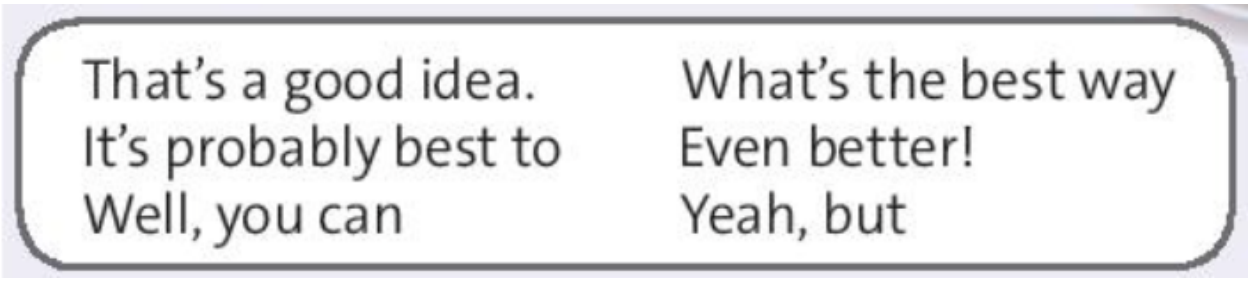

Tina: This “phở” is amazing, Mai! When did you learn how to cook like that?

Mai: My mum showed me how to make “phở” about six months ago.

Tina: I love Vietnamese cooking, but I'm no good. (1) to learn?

Mai: (2) learn from somebody in your family.

Tina: (3) nobody in my family can make Vietnamese food.

Mai: (4) watch videos online.

Tina: I suppose so.

Mai: Or you can have some cooking lessons.

Tina: (5)

Mai: Or perhaps I can teach you and we can eat “phở” together!

Tina: (6)

Đáp án:

1. What’s the best way	2. It’s probably best to	3. Yeah, but
4. Well, you can	5. Even better!	6. That’s a good idea

Hướng dẫn dịch:

Tina: Món "phở" này thật tuyệt, Mai! Bạn học nấu ăn như vậy khi nào?

Mai: Mẹ tôi đã chỉ cho tôi cách làm “phở” khoảng sáu tháng trước.

Tina: Tôi thích nấu ăn Việt Nam, nhưng tôi không giỏi. Cách tốt nhất để học là gì?

Mai: Tốt nhất là bạn nên học hỏi từ ai đó trong gia đình bạn.

Tina: Đúng vậy, nhưng không ai trong gia đình tôi có thể làm món ăn Việt Nam.

Mai: À, bạn có thể xem video trực tuyến.

Tina: Tôi cho là vậy.

Mai: Hoặc bạn có thể học nấu ăn.

Tina: Tốt hơn nữa!

Mai: Hoặc có lẽ tôi có thể dạy bạn và chúng ta có thể ăn "phở" cùng nhau!

Tina: Đó là một ý kiến hay.

8 (trang 79 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Order the words to make sentences. Then match the sentences with the questions below (Sắp xếp các từ để tạo thành câu. Sau đó nối các câu với các câu hỏi bên dưới)

Enid Blyton

1. British / writer / was / Enid Blyton / a

2. born / was / 1891 / England / in / She / in

3. sixteen / when / was / she / writing / She first / started

4. became / Enid Blyton / eventually / the / famous/ most / of / writer / children's stories

5. loved / People / her work / were / her mysteries / because / exciting / so

A. Who was Enid Blyton?

B. What did she become?

C. Where was she born?

D. Why were her books popular?

E. When did she first start writing?

Đáp án:

1. Enid Blyton was a British writer. (A)

2. She was born in 1891 in England. (C)

3. She first started writing when she was sixteen. (E)

4. Enid Blyton eventually became the mosr famous writer of children's stories. (B)

5. People love her work because her mysteries were so exciting. (D)

Hướng dẫn dịch:

1. Enid Blyton là một nhà văn người Anh. (A. Enid Blyton là ai?)

2. Cô sinh năm 1891 tại Anh. (C. Cô ấy sinh ra ở đâu?)

3. Cô ấy bắt đầu viết lần đầu tiên khi cô ấy mười sáu tuổi. (E. Lần đầu tiên cô ấy bắt đầu viết là khi nào?)

4. Enid Blyton cuối cùng đã trở thành nhà văn viết truyện thiếu nhi nổi tiếng của người Hồi giáo. (B. Cô ấy đã trở thành gì?)

5. Mọi người yêu thích công việc của cô ấy vì những bí ẩn của cô ấy rất thú vị. (D. Tại sao những cuốn sách của cô ấy lại được yêu thích?)